TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 01 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quốc Hưng

Bà Đào Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Vũ Đại Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/ 2022/ TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/ 2022/ QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1990; trú tại: TDP 6, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thái S, sinh năm 1960; trú tại: TDP 6, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị D trình bày:

Chị D kết hôn với anh Nguyễn Thái S năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được, không tìm được tiếng nói chung. Hiện vợ chồng đang sống ly thân, không còn ai quan tâm, chăm sóc đến ai nữa. Nay chị D xác định tình cảm vợ

chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống. Về con chung, Chị D và anh S đã có một con chung là Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 01/9/2013. Khi ly hôn, Chị D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thái S trình bày:

Anh S xác nhận về quá trình anh S và chị D kết hôn, chung sống, ly thân và đã có một con chung như chị D đã trình bày là đúng. Theo anh S trong cuộc sống vợ chồng không tránh khỏi những mâu thuẫn, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ do làm ăn thất bát, ghen tuông mù quáng nên anh đã có những cư xử, lời nói không tốt, xúc phạm đến danh dự của chị D nhưng anh cũng đã xin lỗi chị D và mong chị tha thứ, do vậy anh nghĩ chưa đến mức để ly hôn. Nay anh S xác định vẫn còn tình cảm, mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung nên anh không đồng ý ly hôn chị D, nếu chị D cương quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận. Về con chung, anh S có ý kiến nếu phải ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh S không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do đây là vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp liên quan đến người chưa thành niên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác định nguyên nhân tranh chấp, về khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, thu nhập của các bên đương sự. Chị D cung cấp Hợp đồng lao động thể hiện đang làm việc tại Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam và sao kê tài khoản từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2022 thể hiện mức lương bình quân từ 12.000.000 đồng – 16.000.000 đồng/ tháng. Anh S không cung cấp được tại liệu chứng cứ về thu nhập, cũng như nơi ở ổn định, chỉ có văn bản trình bày, hiện anh đang làm lao động tự do, thu nhập bình quân từ 8.000.000 đồng – 10.000.000 đồng/ tháng, có nhà và đất, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng không thành. Do vậy, vụ án được đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cương quyết xin được ly hôn với anh S. Về con chung, Chị D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Nh. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị D không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía anh S vẫn mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ để cùng nuôi

dạy con chung nên không nhất trí ly hôn với chị D. Nếu phải ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, anh S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền và quan hệ tranh chấp theo quy định tại Điều 26,35; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, ghi lời kahi của đương sự, mở phiên hòa giải, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định của BLTTDS.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, 143, 147; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D, cho Chị D được ly hôn với anh S; Về con chung: Trên cơ sở ý kiến của con chung, giao cháu Nguyễn Thị Nh cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S có quyền đi lại thăm nom con chung; chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết; Về tài sản và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung". Bị đơn cư trú tại thành phố Sông Công, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh S kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã thường xuyên, vợ chồng thiếu sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, anh S ghen tuông nên thường xuyên lăng mạ, xúc phạm đến chị

D, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị D đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống. Anh S không nhất trí ly hôn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù anh S xin đoàn tụ nhưng bản thân anh S cũng xác định vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không còn khả năng đoàn tụ. Điều đó thể hiện cho thấy chị D, anh S không có biểu hiện, động thái tích cực để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn và cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D làm đơn xin ly hôn là có cơ sở. Do đó chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của Chị D, cho chị D được ly hôn với anh S là phù hợp với thực tế và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh S.

Về con chung: Chị D và anh S đã có một con chung là Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 01/9/2013. Con chung đã trên 07 tuổi, có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị D, hơn nữa cháu Uyên là bé gái đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lí nên việc ở với mẹ là rất cần thiết. Qua các tài liệu, chứng cứ chị D cung cấp thấy chị D có thu nhập bình quân ổn định từ 12.000.000đồng đến 16.000.000 đồng/ tháng, có Hợp đồng lao động với Công ty Sam Sung, anh S là lao động tự do, thu nhập hàng tháng không ổn định, nên giao cháu Uyên cho mẹ là chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh S. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh S đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

[3] Về án phí: Chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh S được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào các quy định của pháp luật, nhận thấy toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị D, chị Đỗ Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Thái S.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 01/9/2013 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S do Chị D không yêu cầu.

Anh S được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh S đều xác định không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001720 ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn là chị Đỗ Thị D và bị đơn là anh Nguyễn Thái S. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công;
- Chi cục THADS TP. Sông Công;
- UBND xã V, huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**